TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **142**/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 26/03/2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Tiêu Kim Thuận**
Ông **Vũ Ngọc Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thúy Hằng** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 03 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 08 năm 2018, về "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Xuân Đ** – sinh năm 1978 *(có mặt)*
Thường trú : 1079 đường M, Phường Y, quận T, TP.H.
Tạm trú: G15/29E ấp X Láng C, xã L, huyện B, TP.H.

Bị đơn: Ông **Lê Văn D** – sinh năm 1976 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: 15C đường S (phòng 103, lầu 1), Phường N, Quận Z, TP.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13/08/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Xuân Đ trình bày:**

Ông Lê Văn D và bà Phạm Thị Xuân Đ sống chung từ năm 2001, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 13/11/2001 của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D và bà Đ có hai người con chung tên Lê Việt H (nam) – sinh ngày 12/05/2004 và Lê Gia K (nam) – sinh ngày 04/04/2011.

Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân là do tính tình và cách sống không hòa hợp. Mâu thuẫn thường xuyên và lâu dài đã làm mất tình cảm với nhau, vợ chồng không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên bà Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Bà Đ đồng ý giao 02 người con chung tên Lê Gia K, Lê Việt H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (tức mỗi trẻ 1.000.000 đồng) cho đến khi trẻ H và trẻ K lần lượt thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho ông Lê Văn D các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông D không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông D. Ngày 11/01/2019, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Lê Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hòa giải lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*** Vấn đề khác:**

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 11/01/2019, hai cháu Lê Việt H và Lê Gia K có ý kiến được sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn.

*** Tại phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Xuân Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung:

Ông D biết việc bà Đ nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và cũng đồng ý ly hôn với bà Đ nhưng ông D không đến Tòa để làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Hiện tại người con chung đang sống cùng với ông D nên đề nghị Tòa án giao cho ông D nuôi dưỡng hai cháu là Lê Việt H và Lê Gia K.

- Ông Lê Văn D: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Đ được ly hôn với ông D; Giao 02 người con chung Lê Việt H và Lê Gia K cho ông D nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân Đ, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho ông Lê Văn D nhưng ông D vắng mặt. Xét thấy việc ông D vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn D theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Văn D và bà Phạm Thị Xuân Đ chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo bà Đ thì từ năm 2011, bà Đ và ông D thường xuyên mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống, hiện đã sống ly thân. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D. Xét thấy cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà Đ, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông D cũng không còn quan tâm đến cuộc sống chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẽ gắn bó lẫn nhau. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Đ được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà Đ đồng ý giao 02 cháu Lê Việt H và Lê Gia K cho ông D nuôi dưỡng, nguyện vọng của 02 cháu H và K cũng muốn được sống chung với cha nên giao 02 người con chung tên Lê Việt H và Lê Gia K cho ông D nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân Đ chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Xuân Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Xuân Đ được ly hôn với ông Lê Văn D.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Việt H (nam) – sinh ngày 12/05/2004 và Lê Gia K (nam) – sinh ngày 04/04/2011 cho ông Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 người con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (tức mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng).

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 10 tháng 04 năm 2019 cho đến khi 02 trẻ Lê Việt H và Lê Gia K lần lượt thành niên (đủ 18 tuổi). Nếu ngày giao nhận trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì sẽ được thực hiện vào ngày tiếp theo ngay sau đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Xuân Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị Xuân Đ xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Tòa án không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Xuân Đ chịu án phí số tiền là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0016216 ngày 22/08/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Bà Phạm Thị Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P.15, Q.10
(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huyền